

# PHẬT THUYẾT ĐẠI THỪA VÔ LƯỢNG THỌ TRANG NGHIÊM THANH TỊNH BÌNH ĐẲNG GIÁC KINH

*Phúc giảng lần thứ hai: Cô Lưu Tố Vân*

*Thời gian: 16/08/2021*

*Địa điểm: Tiểu viện Lục Hòa*

## **Tập 89**

Chư vị đồng tu tôn kính, chào mọi người, A-di-đà Phật!

Tiết học này trước tiên chúng tôi tổng kết một chút về trọng điểm của kinh văn phẩm thứ 38. Phẩm kinh văn này có 7 trọng điểm.

Trọng điểm thứ nhất: Thật sự niệm Phật, niệm đến khi cảm ứng đạo giao thì hiện tiền, tương lai nhất định thấy Phật. Giải thích về hiện tiền và tương lai như thế nào đây? Hiện tiền làm thế nào thấy được Phật? Vì sao chúng ta không thấy được Phật? “Hiện tiền” chỉ cho thấy Phật trước khi vãng sanh; “tương lai” chỉ cho thấy Phật sau khi vãng sanh. Phương pháp mà Phật dạy chúng ta để thấy Phật là: Nhất tâm xưng niệm A-di-đà Phật. Chú ý, “nhất tâm” là then chốt. Chúng ta niệm Phật vì sao không thấy được Phật? Bởi vì chúng ta không phải là nhất tâm xưng niệm, chúng ta là loạn tâm xưng niệm, tạp tâm xưng niệm, vọng tâm xưng niệm, cho nên không thể thấy được Phật.

Trọng điểm thứ hai: “Cung kính” trong “cung kính đánh lễ” có ý nghĩa quan trọng ra sao? Thế nào là tâm hạnh cung kính? Bạn lý giải câu “không chân thành thì chẳng thể thành tựu” như thế nào? Đối với A-di-đà Phật bạn có tâm cung kính hay không sẽ quyết định tương lai bạn có thể vãng sanh Tây Phương được hay không? Lão pháp sư dạy chúng ta 20 chữ, đó chính là tâm hạnh cung kính: chân thành, thanh tịnh, bình đẳng, chánh giác, từ bi, nhìn thấu, buông xuống, tự tại, tùy duyên, niệm Phật. Không chân thành thì chẳng thể thành tựu, nếu người không chân thành thì thứ gì cũng chẳng có, người không chân thành thì một việc cũng chẳng thành.

Trọng điểm thứ ba: Lễ Phật, lạy Phật trên hình thức thì giống như “như đập chày giã gạo”, giống với việc “hét bể cổ họng cũng uống công”. Bạn lý giải hai tỉ dụ này như thế nào? Trọng thực chất, không trọng hình thức, không lừa mình dối người thì tiêu nghiệp chướng.

Trọng điểm thứ tư: Vọng ngữ, lưỡng thiệt, ác khẩu là tội nghiệp cực lớn, nhất là tội lưỡng thiệt, vọng ngữ, khiêu khích ly gián, dẫn đến sự tranh chấp, phá hoại Lục hòa. Đây là tội nghiệp đọa địa ngục rút lưỡi. Bạn có nhận thức như thế nào? Làm thế nào sửa lỗi? Phát lộ sám hối, quyết không tái phạm lần hai, hướng đến người trong cuộc mà sám hối, cầu xin tha thứ, tháo gỡ hiểu lầm giữa những người trong cuộc, khiến họ hòa hợp như xưa. Nhất quyết không được hàm oan một người nào, quyết không tổn hại một người nào, đối xử bình đẳng với tất cả chúng sanh. Đối nhân, xử thế, tiếp vật phải chân thành.

Trọng điểm thứ năm: Làm thế nào nhận thức và lý giải câu “vạn pháp duy tâm”? Y chánh trang nghiêm của mười pháp giới đều do tâm hiện, đều do thức biến, lìa khỏi tự tánh thì chẳng có một pháp nào để đắc. Y chánh trang nghiêm của thế giới Tây Phương Cực Lạc là do tự tánh biến hiện, tự tánh thanh tịnh thì hiện pháp giới thanh tịnh, tự tánh không thanh tịnh thì hiện pháp giới trước ác. Tất cả pháp từ tâm tưởng sanh, lúc tâm tưởng Phật thì tâm đã thành Phật, một niệm tương ưng một niệm Phật, niệm niệm tương ưng niệm niệm Phật. Chúng ta niệm Phật vì sao không tương ưng? Vì mỗi niệm của chúng ta có nhân ngã thị phi, trong mỗi niệm đều có tham sân si mạn nghi, trong mỗi niệm đều có phân biệt, chấp trước. Nếu tương ưng thì hiện ra cảnh giới Phật, không tương ưng thì hiện cảnh giới trước ác.

Trọng điểm thứ sáu: Học Phật nếu muốn có thành tựu thì nhất định phải trừ nghi, nghi ngờ là chướng ngại lớn trên con đường học Phật, nguy hại cực lớn. Nếu không kịp thời trừ bỏ chướng ngại này thì hai cái mạng là “sanh mạng” và “huệ mạng” đều tiêu cả. Trong kinh điển Mật tông thời Đường nói: Công đức của chú cực kỳ thù thắng, thế nhưng có một câu chúng ta phải chú ý: “Không được sinh lòng nghi ngờ đối với chú”. Hễ bạn có nghi ngờ, ví dụ liệu có công đức lớn như thế không? Công đức lớn như vậy thì tôi niệm có được hay không? Cứ nghĩ như vậy thì bản thân đã phủ nhận những công hiệu đó rồi. Tự tâm của bạn chính là Phật, bạn vừa nghi thì công đức không thể hiện hiện ra được. Vì là do tâm hiện, nên khi đó thứ hiện ra chính là kết quả đã bị phủ nhận kia. Có câu thế này: “Gốc nghi chưa đoạn chính là tội căn, khi sức tin tròn đầy thì đều thành phước lực”. Gốc nghi chính là tội căn, không đoạn nghi thì sao có thể dứt tội được? Khi lòng tin tròn đầy rồi thì sức mạnh của Phật hoàn toàn trở thành sức mạnh của chính bạn.

Trọng điểm thứ bảy: Làm thế nào lĩnh hội “đệ nhất nghĩa đế”? Trong Vô Lượng Thọ Kinh Khởi Tín Luận của ông Bành Nhị Lâm nói: Cực Lạc và Ta-bà đều cùng một pháp giới, không có phân biệt đây kia, cũng không có phân biệt đông tây. Thế giới Cực Lạc có khắp ở Ta-bà, thế giới Ta-bà cũng có khắp ở cõi Cực Lạc. Có người hỏi Hoàng Niệm lão vấn đề như sau: Trong Truyền Tâm Pháp Yếu của ngài Hoàng Bách nói rằng: Chẳng từ đâu mà đến, chẳng đi về đâu. Lâm chung nhìn thấy thứ gì cũng không được đi theo, vậy chúng ta làm thế nào vãng sanh? Hoàng Niệm lão trả lời như sau: Tu hành trong Thiên tông là cảnh giới của pháp thân, pháp thân còn phải hướng thượng, cho nên “này Tu-bồ-đề, [Nhu Lai] không có chỗ đến, không có chỗ đi”. Vậy bạn lâm chung đi theo ai? Phải biết rằng vãng sanh là việc của phàm phu, bạn là phàm phu thì dù sao vẫn phải có chỗ để đi, nên chẳng thể không thọ thân sau được, chỉ bằng hãy thọ lấy cái thân sau vãng sanh này. Nếu quả thật không thọ thân sau thế thì bạn tự do tự tại rồi. Bạn chẳng thể không thọ thân sau thì chỉ có nước theo Phật vãng sanh thôi.

Đây là những cảnh giới không như nhau.

Tứ Liệu Giản nói về việc vãng sanh: “Sanh thì nhất định sanh, đi thì thật chẳng đi”, sanh thì nhất định sanh rồi, nhưng đi thì chẳng có đi. “Đi thì nhất định đi, sanh thì thật chẳng sanh”, đi thì nhất định đi rồi, nhưng sanh thì chẳng có gì gọi là “sanh” cả, là chứng vô sanh. Tứ Liệu Giản còn có một câu rằng: “Sanh cũng thật chẳng sanh, đi cũng thật chẳng đi”. Những ý nghĩa này đều phải hiểu được cho viên dung, phải tùy cơ ứng biến. Lại nói thêm rằng: Cho dù chúng được thân hồng quang, đến đi tự tại, cho dù là Văn-thù, Phổ Hiền thì vẫn phải thị hiện cầu sanh thế giới Cực Lạc. Đây là ông lão 80 nhảy múa để dạy dỗ con cháu, vì để dạy dỗ con cháu mà ông lão 80 tuổi ở đó nhảy múa. Do đó, bất kể là thượng căn hay là hạ trí, đều nên thị hiện vãng sanh, chỉ dạy dẫn dắt vãng sanh. Hết thầy chúng sanh đều nhờ pháp môn này mà được độ thoát.

Tiếp theo chúng tôi bắt đầu giảng kinh văn phẩm thứ 39:

### **TỪ THỊ THUẬT KIẾN ĐỆ TAM THẬP CỬU**

Bồ-tát Di-lặc trong phẩm kinh văn này làm chứng minh cho chúng ta, chứng minh mỗi một câu mà chư Phật Như Lai nói đều chân thật, có thể giúp đỡ chúng ta đoạn nghi sanh tín, mới có thể sanh khởi tín tâm không trái nghịch.

Mời xem kinh văn bên dưới:

**Nhĩ thời Phật cáo A-nan, cập Từ Thị Bồ-tát: “Nhữ kiến Cực Lạc thế giới, cung điện, lầu các, tuyền trì, lâm thụ, cụ túc vi diệu, thanh tịnh trang nghiêm phủ? Nhữ kiến Dục giới chư thiên, thượng chí Sắc Cứu Cánh thiên, vũ chư hương hoa, biến Phật sát phủ?” A-nan đối viết: “Dụy nhiên dĩ kiến”. Nhữ văn A-di-đà Phật đại âm tuyên bố nhất thiết thế giới, hóa chúng sanh phủ? A-nan đối viết: “Dụy nhiên dĩ văn”. Phật ngôn: “Nhữ kiến bỉ quốc tịnh hạnh chi chúng, du xử hư không, cung điện tùy thân, sở vô chướng ngại, biến chí thập phương cúng dường chư Phật phủ? Cập kiến bỉ đẳng niệm Phật tương tục phủ? Phục hữu chúng điều trụ hư không giới, xuất chủng chủng âm, giai thị hóa tác, nhữ tất kiến phủ?” Từ Thị bạch ngôn: “Nư Phật sở thuyết, nhất nhất giai kiến”.**

*Bấy giờ Phật bảo A-nan và Từ Thị Bồ-tát rằng: “Các ông có thấy cung điện, lầu các, suối, ao, rừng cây ở thế giới Cực Lạc đầy đủ vi diệu, thanh tịnh trang nghiêm không? Các ông có thấy chư thiên ở Dục giới cho đến trời Sắc Cứu Cánh tuôn các hương, hoa khắp cả các cõi Phật không?” A-nan bạch rằng: “Dạ vâng, chúng con đã thấy”. Các ông có nghe thấy tiếng lớn của A-di-đà Phật truyền khắp tất cả thế giới để giáo hóa chúng sanh không? A-nan thưa: “Dạ vâng, chúng con đã nghe”. Đức Phật bảo: “Các ông có thấy chúng tịnh hạnh ở cõi đó dạo trong hư không, cung điện tùy thân, không bị chướng ngại, đến khắp mười phương cúng dường chư Phật không? Và thấy họ niệm Phật liên tục không? Lại có các loài chim bay giữa hư không hát lên các loại âm thanh, chúng đều được biến hóa ra, các ông có thấy hết hay không?” Ngài Từ Thị bạch rằng: “Chúng con đều thấy mỗi thứ đúng như lời Phật nói”.*

Ngài A-nan và Từ Thị là bậc đương cơ của kinh này, hai ngài cũng là hai vị đại biểu cho đại chúng trong hội. A-nan đại biểu cho chúng Thanh văn, ngài Di-lặc đại biểu cho hàng Bồ-tát.

Phật nói với ngài A-nan và Bồ-tát Từ Thị rằng: Các ông có nhìn thấy những cung điện, lầu các, suối ao, rừng cây đó ở thế giới Cực Lạc đầy đủ vi diệu, thanh tịnh trang nghiêm không? Các ông có nhìn thấy chư thiên Dục giới cho đến trời Sắc Cứu Cánh tuôn các hương hoa, hương hoa rải đến các cõi Phật, các ông có nhìn thấy không? Ngài A-nan trả lời: Đã nhìn thấy rồi. Trời Sắc Cứu Cánh là trời Tịnh Cư, là

một nơi đặc biệt trên cõi trời, là trời Tam thiên. Ngoại đạo cũng có kẻ đến nơi này, người chứng quả vị Bất hoàn thì ở trời Tịnh Cư. Phật lại hỏi rằng: Có nghe thấy pháp âm của A-di-đà Phật tuyên lưu rộng khắp đến tất cả thế giới để giáo hóa chúng sanh không? Ngài A-nan nói: Đã nghe rồi ạ! Phật lại nói: Ông có nhìn thấy đại chúng kinh hành ở cõi Phật đó dạo trong hư không, có người còn trú trong cung điện ở hư không, chẳng phải được xây nên, không cần xây cất mà tự nhiên xuất hiện. Và loại cung điện này có thể theo thân, không có chướng ngại, đi đến đâu thì mang theo đến đó, “dạo trong hư không, cung điện tùy thân, không bị chướng ngại, đến khắp mười phương cúng dường chư Phật”, những việc này các ông đã nhìn thấy chưa?

*“Và thấy họ niệm Phật liên tục không?”*

Câu này rất quan trọng, ông có nhìn thấy những người ở thế giới Cực Lạc đang niệm Phật liên tục không? Chẳng phải nói niệm Phật đến khi vãng sanh rồi thì không niệm nữa, vậy thì e rằng không thể vãng sanh được, mà đến tận đời vị lai, tự nhiên vẫn niệm Phật liên tục. Niệm Phật đến được thế giới Cực Lạc rồi thì càng nên niệm Phật vì không có sự quấy nhiễu. Ở thế giới này của chúng ta khó niệm được vài câu ra hồn. Ở đó có các loài chim ở trong hư không phát ra đủ mọi pháp âm, đều là A-di-đà Phật biến hóa làm ra, các ông đã nhìn thấy chưa? Ngài Di-lặc trả lời: *“Chúng con đều thấy mỗi thứ đúng như lời Phật nói”*, đều nhìn thấy cả rồi.

Đây chính là Phật hiện tại, Phật vị lai trong pháp hội như vậy làm ra sự chứng minh cho thế giới Cực Lạc. Vì sao trong kinh Phật chuyên môn nêu lên hai vị này? Bởi vì ngài A-nan là người kết tập kinh tạng, còn ngài Di-lặc là người sẽ hạ sinh trong tương lai. Sau khi Phật diệt độ, Phật pháp ở thế gian phải dựa vào kinh điển, A-nan là người kết tập kinh tạng, người truyền tâm ấn của Phật cũng chính là ngài. Sau ngài Ca-diếp thì A-nan chính là vị tổ thứ hai. Người truyền Mật pháp cũng chính là ngài. A-nan được Thích-ca Mâu-ni Phật dặn dò trước, phải truyền pháp cho Đại sĩ Liên Hoa Sanh. Thế nên Phật đã đem pháp vi diệu giao phó cho hai vị này, đây là đại sự nhân duyên.

Mời xem kinh văn kế tiếp:

**Phật cáo Di-lặc: “Bỉ quốc nhân dân hữu thai sanh giả, nữ phục kiến phủ?”** Di-lặc bạch ngôn: **“Thế Tôn! Ngã kiến Cực Lạc thế giới nhân trụ thai giả, như Dạ-ma thiên, xử ư cung điện”**. Hựu kiến chúng sanh, ư liên hoa nội

**kiết-già phu tọa, tự nhiên hóa sanh. Hà nhân duyên cố, bỉ quốc nhân dân, hữu thai sanh giả, hữu hóa sanh giả?”**

*Phật bảo Di-lặc: “Nhân dân ở nước đó có hạng thai sanh, ông có thấy chăng?” Ngài Di-lặc bạch rằng: “Bạch Thế Tôn! Con thấy người thế giới Cực Lạc ở trong thai như ở trong cung điện cõi trời Dạ-ma. Lại thấy chúng sanh ngồi kiết-già ở trong hoa sen, tự nhiên hóa sanh. Do nhân duyên gì nhân dân ở cõi đó có hạng thai sanh, có hạng hóa sanh?”*

Đại ý của đoạn kinh văn này là Phật nói với ngài Di-lặc: Nhân dân ở nước đó có người là thai sanh, có người là hóa sanh, Phật đặc biệt chỉ đến hạng thai sanh. Phật hỏi ông có nhìn thấy không? Ngài Di-lặc nói:

*“Bạch Thế Tôn, con thấy người ở thế giới Cực Lạc ở trong thai như ở trời Dạ-ma”*

Trời Dạ-ma là nơi mà lúc nào cũng đều vui vẻ, sung sướng. Hạng thai sanh đều như người ở trong cung điện trời Dạ-ma. Đồng thời con còn thấy chúng sanh ngồi kiết-già ở trong hoa sen, tự nhiên hóa sanh. Vì sao chúng sanh ở thế giới Cực Lạc có hạng thai sanh, có hạng hóa sanh? Thai sanh này là mượn thai để nói rõ, biểu thị chưa thành hình người, họ không có công năng của con người. Tôi tầm không nhìn thấy mặt trời, cho thấy loại chúng sanh này giống như trẻ nhỏ ở trong thai vậy, ngu si, không có năng lực và trí tuệ, nghi hoặc chưa tận thì chướng ngại vẫn còn. Thấy Phật nghe pháp, họ nghe không hiểu, cho nên không thể nhìn thấy được. Dùng thai để tỉ dụ, chứ không phải thật sự được sanh từ bào thai, mà là tự nhiên hóa sanh.

Ngài Di-lặc lại hỏi: Vì sao cõi ấy lại có hai loại người này? Phẩm thứ 40 Biên Địa Nghi Thành sẽ giải đáp câu hỏi này.

Tiếp theo chúng tôi giảng tiếp kinh văn phẩm thứ 40:

### **BIÊN ĐỊA NGHI THÀNH ĐỆ TỨ THẬP**

Bồ-tát Di-lặc nhìn thấy thế giới Tây Phương Cực Lạc, có người ở trong thai, vì sao có thai sanh? Ở đây Thế Tôn đã nói rõ: Thai là hình dung từ, không phải là thật. Loại người vãng sanh này do đối với Sự và Lý của pháp môn Tịnh độ có nghi hoặc, đương nhiên chẳng phải là nghi hoặc rất nặng, nghi hoặc rất nặng thì sao vãng

sanh được. Là nghi hoặc nhỏ nhiệm, tuy vãng sanh nhưng cũng sinh ra chướng ngại, không thể đến được thế giới Tây Phương Cực Lạc để gặp Phật nghe pháp, cho nên mới tỉ dụ là thai sanh. Theo tình hình thực tế mà nói, những người này vẫn là liên hoa hóa sanh, quyết chẳng có sự việc thai sanh. Vì sao có chướng ngại như vậy? Đương nhiên chủ yếu nhất là muốn để cho chúng ta phản tỉnh xem chính mình có những nghi hoặc này hay không? Nếu có những nghi hoặc này thì tương lai vãng sanh vẫn sẽ có chướng ngại. Tuy bị chướng ngại cũng không sợ, bởi vì chướng ngại đó có kỳ hạn, chẳng phải không kỳ hạn. Vậy nên, vãng sanh đến biên địa nghi thành cũng là vô cùng thù thắng, cũng rất là cừ khôi.

Về phương diện này, đại sư Ấn Quang cũng có khai thị:

“Pháp môn Tịnh độ nếu tin cho tới, còn gì tốt lành hơn! Nếu cái trí của bản thân có chỗ chưa rõ thì nên cung kính tin theo lời thành thật của chư Phật, chư Tổ, quyết không được có một niệm tâm nghi ngờ. Hễ nghi ngờ thì trái nghịch với Phật, lâm chung nhất định khó được cảm thông. Người xưa nói: pháp môn Tịnh độ chỉ có Phật cùng Phật mới có thể hiểu rốt ráo trọn vẹn. Bồ-tát Đãng địa chẳng thể hiểu được phần nhỏ trong đó. Ôi bậc Đại sĩ Đãng địa còn chưa biết trọn, huống gì là bọn phàm phu sát đất lại vọng sanh ước đoán ư?”

Mời xem kinh văn bên dưới:

**Phật cáo Từ Thị:** “**Nhược hữu chúng sanh, dĩ nghi hoặc tâm tu chư công đức, nguyện sanh bỉ quốc, bất liễu Phật trí, bất tư nghị trí, bất khả xưng trí, Đại thừa quảng trí, vô đẳng vô luân tối thượng thắng trí. Ư thử chư trí, nghi hoặc bất tín, do tín tội phước, tu tập thiện bản, nguyện sanh kỳ quốc**”.

*Phật bảo ngài Từ Thị: “Nếu có chúng sanh dùng tâm nghi hoặc, tu các công đức, nguyện sanh về nước ấy, không hiểu rõ Phật trí, bất tư nghị trí, bất khả xưng trí, Đại thừa quảng trí, vô đẳng vô luân tối thượng thắng trí. Đối với các trí này nghi hoặc không tin, nhưng vẫn tin tội phước mà tu tập gốc lành, nguyện sanh về nước ấy.”*

Đoạn kinh văn này không dài, nhưng nội dung vừa rộng vừa sâu, cần phải giải thích tương đối tường tận một chút, có thể chia thành hai đoạn nhỏ để nói. Bốn câu đầu là đoạn nhỏ thứ nhất, mười câu sau là đoạn nhỏ thứ hai.

Trước hết chúng tôi nói bốn câu đầu:

*“Phật bảo ngài Từ Thị: Nếu có chúng sanh dùng tâm nghi hoặc, tu các công đức, nguyện sanh về nước ấy”*

Đây là Thế Tôn nói rõ cho chúng ta cái nhân của thai sanh. Bốn câu kinh văn này biểu đạt hai tầng ý nghĩa. Một là có chúng sanh làm công đức, nhưng nghi hoặc trong tâm của họ chưa đoạn; hai là những chúng sanh này nguyện sanh về nước đó, họ cầu sanh Tịnh độ là sự thật. Chữ “nguyện” này vô cùng quan trọng, nhưng tâm của họ như thế nào? Bán tín bán nghi, nhưng họ vô cùng nghiêm túc tu tích công đức, cầu sanh Tịnh độ, chỉ là mang theo nghi hoặc thôi. Nếu không có cái nguyện này thì biên địa nghi thành cũng không có phần. Phạm sanh đến thế giới Tây Phương Cực Lạc đều phải đầy đủ ba điều kiện: tín, nguyện, hạnh, thiếu một điều cũng không thể vãng sanh. Người sanh biên địa nghi thành không thể nói là họ không tin, nếu không tin thì sao họ có thể niệm Phật. Nói chính xác hơn một chút, họ tin Phật là thật, không phải giả, nhưng họ tin không thuần, có xen tạp. Sự xen tạp này là gì? Chính là nghi hoặc. Nhân của thai sanh chính là nghi hoặc.

Tiếp theo xem tiếp mười câu của đoạn nhỏ thứ hai.

*“Không hiểu rõ Phật trí, bất tư nghị trí, bất khả xưng trí, Đại thừa quảng trí, vô đẳng vô luân tối thượng thắng trí. Đối với các trí này nghi hoặc không tin, nhưng vẫn tin tội phước mà tu tập gốc lành, nguyện sanh về nước ấy”*

Mười câu kinh văn này là Thế Tôn nói ra cho chúng ta nghiệp nhân thứ nhất của vãng sanh biên địa nghi thành. “Không hiểu rõ Phật trí”, câu này là tổng thuyết. “Phật trí” là trí tuệ rốt ráo viên mãn trên quả địa Như Lai. Không hiểu rõ Phật trí chính là không thể thấu tỏ trí tuệ của Phật. Bốn cái sau đó chính là tứ trí: bất tư nghị trí, bất khả xưng trí, Đại thừa quảng trí, vô đẳng vô luân tối thượng thắng trí. Đối với bốn trí tuệ này không thể thấu tỏ, nghi hoặc không tin, cho nên sanh về biên địa nghi thành.

Xin giải thích đơn giản một chút về tứ trí.

Thứ nhất, bất tư nghị trí chính là *thành sở tác trí*. Phật có đại trí tuệ, có thể thành tựu tất cả thế nguyện viên mãn, chúng ta cũng thường gọi là “không gì không thể”. Trong tất cả pháp thế xuất thế gian, không có điều gì mà Phật không thể làm, mà Phật không làm được.



Thứ hai là bất khả xưng trí, chính là *diệu quan sát trí*, loại trí tuệ này chúng ta thường gọi là “không gì không biết”. Hết thấy pháp thể xuất thế gian, quá khứ, hiện tại, vị lai, cõi này, phương khác hoàn toàn không có chướng ngại, đây mới là trí tuệ rốt ráo viên mãn.

Thứ ba là Đại thừa quảng trí, tức là *bình đẳng tánh trí* nói trong Duy Thức. Phật biết tất cả pháp thể xuất thế gian đều là bình đẳng, đều từ trong tự tánh mà lưu lộ ra.

Thứ tư là vô đẳng vô luân tối thượng thắng trí, trí tuệ này không có ai sánh được với Phật. “Luân” là đồng loại, không có ai đồng với Phật được, vì đó là trí tuệ chí cao vô thượng rốt ráo viên mãn. Trong kinh luận Duy Thức gọi là *đại viên cảnh trí*. Trong kinh nói: “Dùng tâm nghi hoặc tu các công đức, nguyện sanh về nước ấy, không hiểu rõ Phật trí, không thể tin hiểu trí tuệ của Phật, cho nên sinh ra tâm nghi hoặc”.

Tiếp theo chúng tôi gom lấy phần tinh hoa của các Pháp sư: Đàm Loan, Nguyên Hiểu, Tuấn Đế, Cảnh Hưng mà tổng hợp thành bốn phương diện.

Thứ nhất, không tin bất tư nghị trí có uy lực lớn. Nghi rằng chỉ niệm A-di-đà Phật chưa chắc có thể vãng sanh. Họ không biết rằng bất tư nghị trí có uy lực lớn, loại người này rất nhiều, họ cho rằng “mình không làm công đức gì cả, chỉ niệm vậy thôi liệu có được không?” Công đức của Phật hiệu chẳng thể tư duy suy lường nổi, duy chỉ có Phật và Phật mới có thể hiểu rốt ráo. Nói rộng ra, tất cả vạn pháp đều là tự lực, tha lực, tự nhiếp, tha nhiếp. Tóm lại là tín tự, tín tha, thiên biến vạn hóa. Vô lượng vô biên mà nêu ra các loại pháp môn, sao bạn có thể dùng tình kiến, tâm ý thức còn ngăn ngại của phàm phu mà hoài nghi diệu pháp vô ngại của Như Lai? Một tấm gương nhỏ có thể hiện bóng muôn vàn cảnh tượng; củi chất ngàn năm, củi khô chất đống ngàn năm, một môi lửa thiêu rụi hết, một ngòi lửa có thể thiêu rụi sạch nó, nạn cháy rừng cũng là như vậy. Cho nên chí tâm nhất niệm xưng danh có thể tiêu được tội nặng sanh tử trong 80 ức kiếp, thì “muội niệm ắt sanh” sao lại vẫn nghi ngờ? Thứ nhất phải phá trừ điều này, bởi vì họ không tin bất tư nghị trí nên hoài nghi đối với trì danh, cho rằng niệm Phật chỉ có chết rồi mới được chút lợi ích, hoặc được chút đỉnh vàng ở cõi âm, chẳng thể tin có công đức như vậy.

Thứ hai, không tin bất khả xưng trí. Phật trí không có đối đãi, lìa tứ cú, dứt tuyệt mọi sai lầm. Chúng sanh đều ở trong tứ cú và mọi sai lầm này. Đại sư Đàm

Loan nói: “Bất khả xung trí là nói trí của Phật tuyệt chẳng thể diễn bày (không thể suy lường được), không có so sánh đối đãi (không có đối đãi qua lại)”. Tuyệt chẳng đối đãi, không có đối đãi, chẳng có thứ để so sánh đối đãi với nhau, cũng chẳng thể suy lường. Vì sao nói như vậy? Pháp nếu là có thì ắt phải có một cái trí biết có; pháp nếu là không thì cũng phải có một cái trí biết không. “Các pháp đều lia có-không”, do vậy “Phật lia các pháp” (chính là buông xuống các pháp). Cái trí biết có, cái trí biết không, không có đối đãi, không có mặt đối lập, “tức là cái trí dứt tuyệt mọi đối đãi với nhau”. “Dùng cái biết để hiểu Phật thì chẳng gọi là biết Phật (Phật là trí, là lập luận của ngài Thần Hội, sau đó ngài không tiếp tục lập luận nữa); dùng cái bất tri để hiểu Phật cũng chẳng phải là biết Phật; dùng cái chẳng phải biết, chẳng phải không biết để hiểu Phật thì cũng không phải là biết Phật (hai cái phủ định: cũng chẳng phải biết, cũng chẳng phải không biết để hiểu Phật thì cũng không biết được Phật); dùng cái chẳng phải là bất tri, chẳng phải là chẳng bất tri để hiểu Phật thì cũng không phải là biết Phật”. Trong tứ cú đều có vấn đề, đều không chính xác. Lia tứ cú mà nói ra được một cú thì không nói được gì cả, chút bản lĩnh đó của chúng sanh hoàn toàn đều không đúng. Lia tứ cú này tức lia hết mọi sai lầm. Pháp này, bản thể của nó đã lia mọi đối đãi.

Lời kinh Lăng-nghiêm là hay nhất, (phải nắm hai đầu, nắm lấy kinh Lăng-nghiêm bị diệt trước tiên, nắm lấy kinh Vô Lượng Thọ bị diệt sau cùng). Phật hỏi: “Ông phải là Văn-thù không?” Ngài Văn-thù đáp: “Con thật là Văn-thù, không có phải là Văn-thù. Vì sao vậy? Nếu có ‘phải là’ thì tức có hai Văn-thù rồi”. Con thật là Văn-thù, không nói phải là Văn-thù; nếu nói phải là Văn-thù thì có hai Văn-thù. Nói phải hay không phải là thì thành ra đối đãi mất rồi, hai Văn-thù ấy thành ra hư vọng. Cho nên trí tuệ này lia tứ cú, dứt tuyệt mọi sai lầm, dứt tuyệt mọi đối đãi, chẳng thể tư duy suy lường được, chẳng thể xung, chẳng thể nói. Từ trong trí tuệ này lưu hiện ra pháp môn niệm Phật, nên công đức cũng chẳng thể nói hết được, tác dụng sinh ra cũng là chẳng thể nói nổi. Bạn không thể sanh tín tâm, lại còn hoài nghi thì gọi là không hiểu bất khả xung trí.

Thứ ba là không tin Đại thừa quảng trí, hoài nghi Phật không thể độ hết tất cả chúng sanh, “chúng sanh nhiều như vậy, một mình Phật làm sao độ hết được?” Hoài nghi tất cả chúng sanh niệm Phật sao có thể đều vãng sanh được? Đối với A-di-đà Phật khởi lên suy nghĩ có giới hạn, “nhiều người như vậy đều đến thế giới Cực Lạc, ở đó liệu chứa nổi không?” Đây đều là những việc siêu tình lý kiến, cõi nước mười

phương đều kêu gọi tất cả chúng sanh vĩnh sanh thế giới Cực Lạc. Tất cả những điều này dùng lời để nói thì luôn là chẳng thể biểu đạt rõ ràng. Để đối trị mỗi nghi này Phật bèn nói Đại thừa quảng trí, trí này không pháp nào không biết, không có phiền não nào chẳng đoạn được, không điều thiện nào mà nó chẳng có, không có chúng sanh nào mà không độ được. Nhằm nêu rõ Phật trí là: không gì chẳng độ thoát được. Muốn độ thoát tất cả đều vào vô dư Niết-bàn, cho nên gọi là “Đại thừa”. Pháp môn này có thể độ thoát, vậy nên độ thoát vô hạn vô ngần, không có giới hạn, không có ngăn mé, vô lượng vô biên đều có thể độ, cho nên gọi là “quảng trí”. Một mặt khác, đối với tất cả pháp, trí ấy đều biết cùng tận, biết rõ đến tận ngọn, tận nguồn, thấu suốt triệt để căn gốc nên gọi là “Đại thừa quảng trí”. Đều có thể biết tất cả mọi thứ đến mức như vậy, nên trí ấy mới có thể khế hợp rộng rãi mọi căn cơ. Đối với pháp nào có thể độ những người nào, thích hợp với người nào thì không gì không biết, thấy đều độ thoát. Đối với chúng sanh, trí ấy thấu rõ căn cơ, biết hết tất cả, độ hết tất cả chúng sanh, tuyệt không ngăn mé, khai diễn diệu nghĩa “tâm này làm Phật, tâm này là Phật”. Mấy mươi năm về trước có một tỳ-kheo ni là lão pháp sư Thông Nguyên ở chùa Phổ Thọ núi Ngũ Đài, sau khi chết rồi xương đỉnh đầu hóa thiêu nhưng không tiêu mất, trên đó có bốn chữ “tâm tác tâm thị”. Điềm lành như vậy cho thấy tầm quan trọng của “tâm này làm Phật, tâm này là Phật” (đây là do Hoàng Niệm lão kể lại).

Pháp môn này khiến tất cả hữu tình từ niệm Phật mà nhập vào vô niệm. Đệ nhất nghĩa để nói rất nhiều lý luận, phàm phu không biết hạ thủ từ đâu. Có rất nhiều người cho rằng cái này cao, cái kia là nông cạn, họ muốn từ lý mà đi vào. Trên thực tế, họ vẫn là vọng sanh phân biệt. Bạn chẳng thể thâm nhập vào lý nổi, có một vị lão tiên sinh tự cho mình có thể “ngay nơi tướng tức là đạo, ngay nơi sự tức là chân”, Hoàng Niệm lão khéo léo uyển chuyển chỉ ra cho ông ta rằng: Lời trong kinh Phật không sai nhưng chúng ta chẳng thể dùng được. Phải làm được trong tất cả mọi hoàn cảnh, mọi lúc mọi nơi, đều không chấp trước. Đây là Duy Thức Quán của Bồ-tát Di-lặc: tất cả đều từ thức mà hiện ra. Phàm phu tuy biết lý này, nhưng phải đảm bảo cho họ ăn ngon thì họ mới vui, ăn không ngon thì họ cau mày, đây chính là lừa gạt chính mình, còn gọi là tu Duy Thức Quán sao? Chỉ là lý luận mà thôi, trên thực tế không dùng được. “Ngay nơi tướng tức là đạo, ngay nơi sự tức là chân”, đều phải đạt đến cảnh giới này. Di-đà Yếu Giải có câu thế này: “Từ sự trì mà đạt đến lý trì” chính là từ hữu niệm mà nhập vào vô niệm. Lý trì thì mọi người không làm

được, sự trì thì có thể làm được. A-di-đà Phật là bậc từ phụ đại từ bi, có đại ân đại đức, đây là phương pháp khéo diệu nhất.

Hoàng Niệm lão vào năm 20 tuổi xem kinh Kim Cang ngộ ra một đạo lý, đó chính là “vô trụ sanh tâm”, thế nhưng phàm phu chẳng dùng được. Sau đó ngài nghĩ, chỉ có niệm Phật là phương pháp có thể thực hành được nhất. Lại thay đổi ý niệm, có lẽ trì chú tốt hơn. Khi đó ngài chẳng hiểu một chút nào về Mật tông cả, niệm Phật còn có thêm từ Phật, Phật kiến. Niệm chú thì không có ý niệm về Phật nữa, đó chính là âm thanh. Từ sự trì mà đạt đến lý trì, thâm hợp đạo mâu, khéo nhập vô sanh, ngầm thông Phật trí. Đối với những người tự cho mình là cao minh đó, chúng ta không có cách nào cả, nhưng không phải là bỏ rơi họ. Bảo bạn trước hết hãy tu đi, chỉ nói thôi thì không được đâu, chỉ có miệng nói thì thiên hạ đại loạn mất. Đấu tranh kiên cố, tôi nói cái tốt của tôi, nói cái xấu của anh, vậy thì giống như họ rồi. Phải lấy thân hoàng đạo, không phải chỉ có nói thôi. Hiện thân thông thì càng mắc sai lầm lớn. Nếu tín tâm thật sự kiên định, mỗi ngày mỗi sáng tỏ, mỗi ngày một từ bi, thì sẽ không bỏ cuộc. Kiên quyết tiếp tục tu hành, làm tấm gương cho mọi người. Đừng tranh cãi với người, sa đà vào tranh luận, chuyện đúng sai càng bàn luận thì càng nhiều. Đối với việc đối nghiệp vãng sanh cứ tranh luận mãi. Khi Hoàng Niệm lão còn tại thế, có người khuyên ngài hãy đứng ra nói về việc này, ngài nói: tôi không can dự, việc này bàn luận cũng chẳng thể rõ được.

Chỉ cần giữ vững tín niệm, chúng ta chính là sự trì, chính là hữu niệm, thì có thể thâm hợp đạo mâu, khéo nhập vô sanh, ngầm thông Phật trí, thù thắng chính là ở chỗ này. “Từ niệm Phật nhập vào vô niệm, do vãng sanh mà chứng vô sanh”, “từ sự trì mà đạt đến lý trì, tức tâm phàm thành tâm Phật”. Hai câu này của đại sư Ngẫu Ích đã giải thích về lý và sự của pháp môn Tịnh độ một cách viên dung. Từ sự trì mà đạt đến lý trì, tức tâm phàm chuyển thành tâm Phật, gọt gòn dứt khoát. Cho nên có thể khiến chúng sanh niệm Phật đều sanh Tịnh độ, đó gọi là Đại thừa quảng trí.

Tiết học hôm nay giao lưu đến đây, cảm ơn mọi người, A-di-đà Phật!